

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 01 năm 2025.
V/v Ly hôn, tranh chấp
Nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoan;
2. Ông Lê Thanh Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:** bà Trịnh Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại phòng xét xử dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 12 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vũ Thị T, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: anh Trịnh Văn V, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang ở tại thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trịnh Văn V được tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, được đăng ký tại ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình vào năm 2008. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh được thời gian đến năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn, anh V thường xuyên ghen tuông mù quáng, tìm nhiều cách đánh ghen, đánh đập chị. Sau mỗi lần như vậy, anh V xin

lỗi, vợ chồng bỏ qua để gia đình được yên ấm. Sự việc diễn ra liên tục, kéo dài anh V vẫn chứng nào tật ấy, do không chịu đựng được những trận đòn của anh V, nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020, anh V chuyển về xã Y sinh sống với bố mẹ để anh V, hai vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, hai người gần như không gặp nhau nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh V.

Về con chung: chị và anh V có hai con chung, cháu Trịnh Thị Quỳnh P, sinh ngày 06/4/2009 và cháu Trịnh Quốc T1, sinh ngày 20/9/2010 hiện nay cả hai cháu đã chuyển khẩu và học tập tại xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Về cấp dưỡng nuôi con chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Quốc T1 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung và công nợ: chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, do anh V không có mặt tại thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Toà án xác minh tại xóm A, P, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình thể hiện anh V đã về sinh sống tại thôn P, xã Y, anh V đăng ký hộ khẩu cho 2 cháu vào hộ khẩu của ông bà nội tại xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, còn anh V làm nghề lái xe cứ khoảng 3 đến 4 ngày anh V lại về ở cùng các con. Toà án đã tiến hành thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ tài liệu, anh V nhận văn bản nhưng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn cũng như yêu cầu về việc giải quyết việc nuôi con của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5, điều đ khoản 6 Điều 27, Tiêu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị T, xử cho chị Vũ Thị T được Ly hôn với anh Trịnh Văn V;

2. Về con chung: giao cho anh Trịnh Văn V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu: cháu Trịnh Thị Quỳnh P, sinh ngày 06/4/2009 và cháu Trịnh Quốc T1, sinh ngày 20/9/2010.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: chị Vũ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 2.000.000 (hai triệu đồng) trên một cháu trên tháng. Chị T có quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3. Về án phí: chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo

biên lai số: 0000465 ngày 01/10/2014 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Chị T còn phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T, anh V có đăng ký tạm trú tại thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp giải quyết, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh V. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: chị T, anh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình vào năm 2008. Là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đúng quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh V đã trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn xin ly hôn anh V. Yêu cầu về việc giải quyết ly hôn là chính đáng cần được pháp luật bảo vệ, được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nội dung vụ án: chị Vũ Thị T kết hôn với anh Trịnh Văn V vào năm 2008, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống anh V là người hay ghen, dẫn tới vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh V thể hiện là người vũ phu thường xuyên đánh đập chị T. Năm 2020 anh V cùng với bố mẹ đẻ của anh V bán nhà và tài sản ở thôn A xã Đ, thành phố T để chuyển về xã Y, huyện Y. Hai bên sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian này hai vợ chồng không gặp nhau, không ai quan tâm đến đời sống của nhau.

Chị Vũ Thị T xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh V.

Anh V không thể hiện quan điểm của mình về việc chị T xin ly hôn. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, cũng như triệu tập lên làm việc nhưng anh V không hợp tác.

Toà án xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh V có kết hôn với chị T vào năm 2008, có đăng ký kết hôn, sau ngày cưới vợ chồng anh V chị T ở chung nhà với bố mẹ của anh V tại thôn A xã Đ thành phố T, đến năm 2020 bố mẹ anh V bán toàn bộ tài sản nhà và đất để chuyển về xã Y, huyện Y khi chuyển anh V

chuyển khẩu cho hai con cùng ông bà nội và được đăng ký tại xã Y, huyện Y, chỉ còn lại hộ khẩu của anh V và chị T tại thôn A xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị T được ly hôn với anh V căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân chị T, anh V có 2 con chung cháu Trịnh Thị Quỳnh P, sinh ngày 06/4/2009 và cháu Trịnh Quốc T1, sinh ngày 20/9/2010. Nguyễn vọng của cháu P và cháu T1 đều xin được ở với anh V để ổn định cho các cháu học hành.

Quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị, để các cháu ổn định học tập, các cháu có nguyện vọng muốn ở cùng nhau và ở với anh V, chị nhất trí để anh V nuôi dạy cả hai cháu, chị có trách nhiệm góp phí tổn để nuôi một cháu và chị xin được đóng góp nuôi cháu Trịnh Quốc T1 mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 1/2025 cho đến khi cháu Trịnh Quốc T1 đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử nhận thấy: để các cháu được ở cùng với nhau và tránh sáo trộn về nơi ở, đảm bảo sự phát triển bình thường thì việc giao cả hai cháu cho anh V nuôi dưỡng là có căn cứ. Chị T có trách nhiệm góp phí tổn nuôi con, với mức đóng góp như chị T tự nguyện đóng góp là 2.000.000 đồng trên 1 tháng kể từ tháng 1/2025 cho cháu T1, đến khi cháu 18 tuổi là hoàn toàn có căn cứ nên ghi nhận tự nguyện của chị T. Hiện nay chị T là lao động tự do không có công việc ổn định, thu nhập bình quân tại địa phương 6,2 triệu đồng trên tháng nên ghi nhận mức cấp dưỡng như chị T tự nguyện là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Vũ Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: cho chị Vũ Thị T ly hôn với anh Trịnh Văn V.

2. Về con chung: giao cho anh Trịnh Văn V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu: cháu Trịnh Thị Quỳnh P, sinh ngày 06/4/2009 và cháu Trịnh Quốc T1, sinh ngày 20/9/2010

+ Về cấp dưỡng nuôi con: chị Vũ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng cho cháu Trịnh Quốc T1, sinh ngày 20/9/2010 là 2.000.000 (hai triệu đồng)/ trên 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2025 cho đến khi cháu Trịnh Quốc T1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Trịnh Văn V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì chị Vũ Thị T còn phải trả số tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Tổng hai khoản 600.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số: 0000465 ngày 01/10/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Chị T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS thành phố Tam Điệp;
- UBND xã Yên Thái, huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - CHỦ TỌA phiên tòa

Đã ký

Phan Ngọc Hà

